

Số: /KH-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

Căn cứ Công văn số 5835/BGDĐT-KHCNTT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS), thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 1413/KH-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai chương trình hành động số 63-CTrHĐ/TU ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Bối cảnh chuyển đổi số của ngành Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

Năm học 2025-2026 được xác định là giai đoạn bản lề quan trọng trong lộ trình phát triển của ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Thành phố Hồ Chí Minh. Đây không chỉ là thời điểm chuyển giao giữa các giai đoạn chiến lược mà còn là năm học trọng tâm để hiện thực hóa các mục tiêu của Đề án “Chuyển đổi số quốc gia” và các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ.

Thành phố Hồ Chí Minh có hạ tầng số tương đối hoàn thiện, tỷ lệ giáo viên có kỹ năng CNTT cao, CSDL ngành đã bước đầu hình thành và định danh được người học. Tuy nhiên dữ liệu còn phân tán, chưa có sự liên thông thực sự giữa khối phổ thông và khối nghề nghiệp; công tác thống kê phổ cập giáo dục còn thủ công, tốn nhiều nhân lực; việc khai thác dữ liệu để ra quyết định (data-driven decision making) chưa triệt để.

Sự ra đời của Đề án 06 mở ra cơ hội vàng để tự động hóa quản lý dựa trên dữ liệu dân cư; xu hướng AI tạo sinh (Generative AI) hỗ trợ mạnh mẽ cho cá nhân hóa học tập tuy nhiên phát sinh những nguy cơ mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu cá nhân; sự thay đổi của công nghệ đòi hỏi đội ngũ phải liên tục cập nhật, nâng cao năng lực số.

2. Mục đích

Xây dựng Hệ sinh thái Giáo dục thông minh Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên nền tảng dữ liệu số thống nhất, liên thông và an toàn.

Chuyển đổi căn bản hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành từ dựa trên báo cáo thủ công sang dựa trên dữ liệu thời gian thực (real-time).

Cá nhân hóa trải nghiệm học tập của người học, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng và chất lượng cao thông qua công nghệ.

Hoàn thiện việc tích hợp dữ liệu giáo dục nghề nghiệp vào hệ thống chung để tối ưu hóa công tác phân luồng và đào tạo nhân lực.

3. Yêu cầu

Đảm bảo tính toàn diện và đồng bộ: 100% các cơ sở giáo dục quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết tại đơn vị. Việc triển khai phải đảm bảo tính

liên thông, đồng bộ từ Sở GDĐT đến các cơ sở giáo dục. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng triển khai Kế hoạch.

Đảm bảo tính cụ thể và khả thi: phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể; mỗi nhiệm vụ phải gắn với sản phẩm đầu ra cụ thể, có lộ trình và thời hạn hoàn thành. Triển khai thực chất, hiệu quả, bám sát điều kiện thực tế của địa phương, từng cấp học, bậc học.

Đảm bảo tính đo lường và giám sát: công tác triển khai thường xuyên được kiểm tra, giám sát. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CDS là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua của các tập thể và cá nhân trong năm học.

Đảm bảo tính an toàn và pháp lý: mọi hoạt động triển khai phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng, sở hữu trí tuệ và đặc biệt là bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Luật Dữ liệu, Luật An ninh mạng và Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Dữ liệu của người học và giáo viên là tài sản nhạy cảm, cần được bảo vệ ở mức cao nhất.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá

1.1. Nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến và kết hợp

Khai thác tối đa hiệu quả của các hệ thống LMS để mở rộng không gian lớp học trong các hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch bài dạy có tích hợp LMS, xác định rõ nội dung tự học (Asynchronous) và nội dung tương tác trực tiếp (Synchronous).

Phát triển kho học liệu số tại địa chỉ <https://hoclieuso.hcm.edu.vn> theo hướng chuẩn hóa, có gắn siêu dữ liệu (metadata) để dễ dàng tìm kiếm và chia sẻ. Nghiên cứu, phối hợp đơn vị có chuyên môn xây dựng học liệu tích hợp công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR).

Tổ chức thẩm định và công nhận các bài giảng E-learning chất lượng cao của giáo viên, coi đây là sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

Đơn vị phụ trách: Phòng Giáo dục Phổ thông, Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng.

1.2. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá

Chuyển dịch mạnh mẽ sang đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống LMS.

Tổ chức kiểm tra định kỳ trên máy tính đối với các môn học phù hợp (Tin học, Ngoại ngữ, Công nghệ) tại các đơn vị có đủ hạ tầng phòng máy giúp giảm áp lực chấm bài, đảm bảo tính khách quan và có kết quả phân tích phổ điểm.

Đơn vị phụ trách: Phòng Giáo dục Phổ thông, Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học, các cơ sở giáo dục.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Quản lý chất lượng.

1.3. Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)

Ứng dụng AI có trách nhiệm (Responsible AI), lấy người học làm trung tâm và đạo đức làm cốt lõi. Triển khai thí điểm những công nghệ sau:

- Trợ lý ảo học tập (AI Tutor) hỗ trợ giải đáp thắc mắc, gợi ý bài tập phù hợp với năng lực từng học sinh (Adaptive Learning).
- AI hỗ trợ giáo viên soạn giáo án, tạo đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan, và phân tích kết quả học tập của học sinh để phát hiện sớm các em có nguy cơ hỏng kiến thức.
- Thực tế ảo/Thực tế tăng cường (VR/AR) được ứng dụng trong các bài giảng STEM, Lịch sử, Địa lý để tăng trải nghiệm trực quan sinh động.

Đơn vị phụ trách: Phòng Giáo dục Phổ thông.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Phòng Tổ chức Cán bộ và các đơn vị liên quan.

2. Đảm bảo Hạ tầng số, An toàn Thông tin và phát triển nhân lực

2.1. Bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ

Triển khai Chương trình bồi dưỡng giáo viên theo mô hình TPACK (Technological Pedagogical Content Knowledge) - tích hợp kiến thức Công nghệ, Sư phạm và Nội dung chuyên môn. Trong đó, nhân sự được bồi dưỡng theo các vai trò phù hợp vị trí công tác:

- Tư duy lãnh đạo quản trị số, ra quyết định dựa trên dữ liệu.
- Kỹ năng sư phạm số, thiết kế học liệu, ứng dụng AI cho giáo viên.
- Quản trị mạng, an toàn thông tin, hỗ trợ kỹ thuật cho nhân viên CNTT
- Phổ cập kỹ năng số, đưa nội dung an toàn thông tin, văn hóa ứng xử trên mạng xã hội vào chương trình giáo dục công dân số cho học sinh.

Mục tiêu: đến cuối năm học 2025-2026, 100% giáo viên đạt chuẩn năng lực số cơ bản, 50% đạt mức khá và hình thành đội ngũ giáo viên cốt cán nòng cốt về CDS tại mỗi nhà trường.

Nghiên cứu, xây dựng các quy định, chính sách khích lệ, thi đua để thay đổi tư duy và tạo động lực cho nhà giáo.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Kế hoạch – Tài chính.

2.2. Hiện đại hóa thư viện

Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện số, kết nối liên thông với các kho học liệu số và các thư viện số khác. Đảm bảo 100% các trường học số hóa mục lục thư viện và triển khai phần mềm quản lý thư viện số.

Xây dựng quy chế, hệ thống văn bản, giải pháp liên thông, kết nối dữ liệu theo các chuẩn thư viện quốc tế để thúc đẩy chia sẻ tài nguyên giữa thư viện các trường với Kho học liệu số của Ngành và thư viện số của các trường đại học, Thành phố, quốc gia và quốc tế.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kế hoạch – Tài chính, các cơ sở giáo dục.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng Sở, Phòng Giáo dục Mầm non, Phòng Giáo dục Phổ thông, Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học.

2.3. Đảm bảo an toàn môi trường giáo dục số

Đưa ít nhất 01 nội dung giáo dục về “Công dân số” vào chương trình hoạt động ngoại khóa bắt buộc hàng năm cho học sinh tất cả các cấp. Nội dung tập trung vào các kỹ năng thiết yếu: nhận diện tin giả, bảo vệ thông tin cá nhân, ứng xử văn minh trên mạng xã hội và phòng tránh nguy cơ trên không gian mạng.

Trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền và các giải pháp lọc nội dung độc hại cơ bản cho 100% máy tính tại văn phòng, phòng thực hành, thư viện và máy tính dùng chung trong trường học.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng, các cơ sở giáo dục.

Đơn vị phối hợp: Phòng Học sinh, sinh viên.

3. Chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và cơ sở dữ liệu ngành

3.1. Hoàn thiện CSDL Ngành đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”

Tiếp tục quán triệt nguyên tắc CSDL Ngành là nguồn dữ liệu gốc duy nhất (Single Source of Truth). Các phần mềm quản trị nhà trường triển khai 100% tại các cơ sở giáo dục đóng vai trò khai thác và chuẩn hóa dữ liệu.

Triển khai các API (Application Programming Interface) chuẩn hóa để kết nối đồng bộ hai chiều giữa phần mềm quản trị nhà trường và CSDL Ngành. Dữ liệu khi nhập tại trường sẽ được đồng bộ tức thời (real-time) về Sở.

Thành lập Tổ công tác rà soát dữ liệu tại từng cơ sở giáo dục trong đó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của dữ liệu.

Ứng dụng các thuật toán tự động để phát hiện dữ liệu rác, dữ liệu trùng lặp hoặc phi logic và gửi cảnh báo tự động về đơn vị để xử lý.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: Phòng Giáo dục Mầm non, Phòng Giáo dục Phổ thông, Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học, Phòng Quản lý cơ sở giáo dục ngoài công lập, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Tổ chức Cán bộ.

3.2. Tích hợp CSDL Giáo dục Nghề nghiệp

Xây dựng hệ thống xác thực tập trung (Identity Provider) cho toàn Ngành Thành phố. Cấp mã định danh HCMEDU ID (gắn với VNeID) cho tất cả học viên khối Giáo dục nghề nghiệp sử dụng các giao thức bảo mật tiêu chuẩn quốc tế như OAuth2 (hoặc OpenID Connect) để tích hợp các phần mềm quản lý đào tạo của các trường nghề vào hệ thống SSO (Single Sign-On) của Sở.

Triển khai nền tảng SSO với tài khoản duy nhất, học viên có thể đăng nhập vào Cổng thông tin đào tạo, Thư viện số dùng chung, Hệ thống thông tin dùng chung và các dịch vụ công ích khác của ngành tạo ra trải nghiệm liền mạch, chuyên nghiệp và thuận tiện

Tích hợp dữ liệu từ các cơ sở giáo dục nghề về Kho dữ liệu dùng chung (Data Warehouse) để tổng hợp trên Dashboard lãnh đạo Sở.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học.

3.3. Hệ thống Phổ cập giáo dục dựa trên dữ liệu dân cư

Công tác phổ cập giáo dục theo phương thức truyền thống đòi hỏi việc rà soát thủ công, trực tiếp tại địa bàn, gây lãng phí về nguồn lực và thời gian. Việc ứng dụng dữ liệu từ Đề án 06 được xác định là giải pháp then chốt nhằm tối ưu hóa quy trình, giảm tải áp lực hành chính và nâng cao độ chính xác.

Cơ chế vận hành và giải pháp kỹ thuật Quy trình được thực hiện dựa trên nền tảng công nghệ số hóa với các nội dung cụ thể:

- Tích hợp và liên thông dữ liệu thông qua thiết lập kênh kết nối bảo mật, đồng bộ dữ liệu giữa CSDL ngành GDĐT và CSDL quốc gia về dân cư (do Bộ Công an quản lý).

- Quy trình đối sánh tự động (thực hiện đối chiếu dữ liệu trẻ trong độ tuổi phổ cập từ CSDL quốc gia về dân cư với dữ liệu học sinh thực tế từ CSDL Giáo dục và phân loại thành các nhóm.

Đổi mới quy trình công tác và hiệu quả quản lý việc áp dụng công nghệ mang lại những thay đổi căn bản trong phương thức quản lý thông qua chuyển đổi vai trò nhân sự: đội ngũ cán bộ địa phương chuyển từ nhiệm vụ thu thập thông tin sang xác minh và xử lý dữ liệu phát sinh. Nguồn lực chỉ tập trung vào việc xác minh nhóm đối tượng chưa có dữ liệu giáo dục.

Quản lý theo thời gian thực với số liệu phổ cập được cập nhật liên tục, xóa bỏ độ trễ của phương pháp báo cáo định kỳ cuối năm. Điều này hỗ trợ chính quyền địa phương kịp thời tham mưu, chỉ đạo công tác vận động học sinh ra lớp, đảm bảo quyền lợi học tập cho trẻ.

Đơn vị phụ trách: Phòng Giáo dục Phổ thông.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học.

3.4. Triển khai các Hệ thống theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ số và văn bằng số

Triển khai Hệ thống theo dõi, đánh giá học sinh; thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến học bạ số, văn bằng số theo kế hoạch và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Hướng dẫn cơ sở giáo dục lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ học bạ số, dịch vụ chứng thực chữ ký số để trang bị chữ ký số cho 100% giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và lãnh đạo các cơ sở giáo dục.

Triển khai Hệ thống theo dõi, đánh giá học sinh đến 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: Phòng Giáo dục Phổ thông, các phòng có liên quan.

3.5. Triển khai Hệ thống quản lý thiết bị và đồ dùng dạy học

Tiếp tục triển khai Hệ thống quản lý thiết bị và đồ dùng dạy học trên địa bàn Thành phố; đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GDĐT; đảm bảo 100% cơ sở giáo dục cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu và đồng bộ dữ liệu với CSDL Ngành.

Ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống. Tổ chức quán triệt các quy định, tập huấn, hướng dẫn cho cơ sở giáo dục; xây dựng kế hoạch kiểm tra kết quả triển khai của đơn vị.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kế hoạch – Tài chính.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng.

3.6. Triển khai Tuyển sinh đầu cấp thông qua Hệ thống thông tin địa lý giáo dục (EDUGIS)

Xây dựng phương án, tham mưu nội dung triển khai tuyển sinh các lớp đầu cấp thông qua EDUGIS trong Kế hoạch tuyển sinh của Thành phố.

Chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật, hạ tầng, giải pháp để triển khai thực hiện mở rộng phạm vi tuyển sinh các lớp đầu cấp thông qua EDUGIS trên địa bàn Thành phố; thực hiện chạy thử trên dữ liệu mẫu để báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét, đánh giá mức độ khả thi khi triển khai thực tế. Dựa trên kết quả chạy thử, hoàn thiện

phương án triển khai đề trình UBND Thành phố chỉ đạo trong Kế hoạch tuyển sinh năm học 2026 – 2027.

Đơn vị phụ trách: Phòng Quản lý chất lượng.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng, các phòng thuộc Sở.

3.7. Triển khai các ứng dụng điều hành giáo dục, ứng dụng người dân

Đẩy mạnh tiến độ số hóa, đồng bộ và tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành cùng các quy trình nghiệp vụ lên các nền tảng ứng dụng điều hành giáo dục.

Kết nối liên thông dữ liệu ngành với Ứng dụng Công dân số Thành phố, đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

Triển khai sâu rộng và yêu cầu các đơn vị giáo dục ưu tiên sử dụng các ứng dụng số làm kênh giao tiếp chính thống giữa nhà trường và phụ huynh học sinh, thay thế dần các phương thức truyền thống.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục hành chính (như tuyển sinh đầu cấp, chuyển trường, xác nhận hồ sơ...) trực tiếp trên các ứng dụng di động, hướng tới mục tiêu đơn giản hóa quy trình và nâng cao chỉ số hài lòng của người dân.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: các phòng có liên quan.

3.8. Chuẩn hóa, tự động hóa công tác thống kê, báo cáo

Công tác thống kê được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT, đảm bảo 100% cơ sở giáo dục thực hiện báo cáo trực tuyến trên Hệ thống CSDL Ngành và đồng bộ với hệ thống của Bộ.

Thống nhất sử dụng nguồn dữ liệu từ CSDL ngành làm cơ sở pháp lý duy nhất phục vụ công tác quản lý, dự báo và hoạch định chính sách; đồng thời chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng công cụ phân tích dữ liệu thông minh để tự động hóa quy trình, giảm thiểu thao tác thủ công và nâng cao tính kịp thời của thông tin.

Rà soát, chuẩn hóa các chỉ tiêu thống kê, bổ sung trường dữ liệu cần thiết và không yêu cầu các đơn vị nộp báo cáo thủ công đối với những dữ liệu đã có trên hệ thống; tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ quản lý thống kê dữ liệu chuyên ngành cho đội ngũ nhân sự.

Đơn vị phụ trách: các phòng thuộc Sở.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng.

4. Hiện đại hóa hành chính công và tài chính giáo dục

4.1. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Rà soát toàn bộ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở và các đơn vị trực thuộc. Xây dựng lộ trình để nâng cấp tất cả các dịch vụ đủ điều kiện lên mức độ toàn trình, cho phép người dân và doanh nghiệp thực hiện

toàn bộ quy trình nộp hồ sơ, thanh toán lệ phí, nhận kết quả trên môi trường mạng. Đảm bảo số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số.

Ứng dụng AI trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc rà soát thành phần, nội dung hồ sơ.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: các phòng thuộc Sở.

4.2. *Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt*

Rà soát, đồng bộ cơ sở dữ liệu học sinh và danh mục các khoản thu; thiết lập cổng thanh toán điện tử, ưu tiên áp dụng công nghệ Tài khoản định danh (Virtual Account) hoặc QR động để nhận diện chính xác người nộp và nội dung thanh toán.

Xây dựng và tích hợp hệ thống phần mềm với ba phân hệ chính:

- Phân hệ Quản trị: cung cấp công cụ cho bộ phận kế toán thiết lập đợt thu, theo dõi biến động số dư và xuất báo cáo tài chính theo thời gian thực.

- Phân hệ Người dùng: tích hợp trên ứng dụng di động hoặc cổng thông tin, cho phép phụ huynh nhận thông báo công nợ, tra cứu lịch sử và thực hiện thanh toán.

- Phân hệ Đối soát tự động: thiết lập cơ chế tự động so khớp dữ liệu từ ngân hàng và hệ thống quản lý theo thời gian thực, loại bỏ hoàn toàn thao tác đối chiếu thủ công.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kế hoạch – Tài chính.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng, các phòng thuộc Sở.

5. Các giải pháp nền tảng

5.1. *Kiến toàn tổ chức và phân công nhân sự*

Kiến toàn cơ cấu tổ chức, phân công lãnh đạo và chuyên viên làm đầu mối phụ trách nhiệm vụ CNTT, CDS và thống kê giáo dục ở các cấp.

Sở GDĐT phân công 01 Lãnh đạo Sở trực tiếp phụ trách và chỉ đạo toàn diện công tác CDS. Giao Văn phòng làm đơn vị thường trực, đầu mối tham mưu, điều phối và tổng hợp; các phòng thuộc Sở cử 01 lãnh đạo, 01 chuyên viên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Văn phòng trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

Phòng Văn hóa Xã hội các phường, xã, đặc khu phân công 01 Lãnh đạo và 01 chuyên viên chuyên trách theo dõi, đôn đốc việc triển khai tại các cơ sở giáo dục thuộc địa bàn quản lý.

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm toàn diện trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác ứng dụng CNTT, CDS và thống kê. Phân công bằng văn bản các nhân sự phụ trách, làm đầu mối triển khai.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: các phòng thuộc Sở

5.2. Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số

Các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá Trường học số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh¹ tại địa chỉ <https://dti.hcm.edu.vn>.

Triển khai công tác đánh giá mức độ CDS tại Sở GDĐT; tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho 100% các đơn vị để thực hiện tự đánh giá mức độ CDS tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: Phòng Giáo dục Mầm non, Phòng Giáo dục Phổ thông, Phòng Giáo dục Thường xuyên – Nghề nghiệp và Đại học.

5.3. Hoàn thiện thể chế số và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Rà soát, bổ sung các quy định, quy chế liên quan đến Luật Dữ liệu, Luật An ninh mạng và Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Thông tư số 12/2025/TT-BKHCN² triển khai các hoạt động CNTT, CDS trong toàn Ngành.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp cung cấp giải pháp thực hiện nghiêm các quy chế, quy định nêu trên; tham mưu Lãnh đạo Sở có biện pháp xử lý phù hợp đối với các đơn vị vi phạm.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: các phòng thuộc Sở.

5.4. Đảm bảo nguồn lực và an toàn, an ninh thông tin

Rà soát, tham mưu cho các cấp quản lý bố trí đủ nguồn lực (tài chính, nhân lực) và triển khai các biện pháp kỹ thuật, hành chính để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho toàn hệ thống.

Văn phòng chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở tiến hành khảo sát, đánh giá tổng thể hiện trạng hạ tầng CNTT toàn ngành phục vụ công tác CDS, trên cơ sở đó đề xuất phương án về đầu tư, nâng cấp hạ tầng đảm bảo tính hiệu quả, thiết thực. Tham mưu ban hành và triển khai các quy định về đảm bảo an toàn thông tin trong các cơ sở giáo dục. Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan chuyên môn

¹ Quyết định số 4418/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

² Ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thiết lập, vận hành hệ thống tiếp nhận, tổng hợp dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an ninh mạng ít nhất 01 lần/năm. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện phân quyền người dùng chặt chẽ bằng văn bản.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: các phòng thuộc Sở.

5.5. *Đẩy mạnh truyền thông và phát triển văn hóa số*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của CDS; xây dựng, triển khai kế hoạch truyền thông với chủ đề “Kiến tạo tương lai số” gắn với tổ chức các hội thảo, tọa đàm, viết bài tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để lan tỏa các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục; lồng ghép nội dung kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này vào Kế hoạch kiểm tra năm học, Kế hoạch kiểm tra Cải cách hành chính của Sở GDĐT.

Triển khai các tiêu chí đánh giá thành tích ứng dụng CNTT và CDS vào quy chế thi đua, khen thưởng hàng năm của Ngành nhằm kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có sáng kiến, giải pháp đột phá, tạo hiệu ứng lan tỏa và thúc đẩy hình thành văn hóa đổi mới, sáng tạo trong toàn Ngành.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng.

Đơn vị phối hợp: các phòng thuộc Sở.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng

Là đơn vị thường trực, đầu mối phối hợp với các phòng thuộc Sở, cơ quan, tổ chức và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu cho Lãnh đạo Sở trong công tác chỉ đạo, điều hành; tổng hợp và dự thảo các báo cáo gửi Bộ GDĐT và UBND Thành phố. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và báo cáo Lãnh đạo Sở trình UBND Thành phố, các cấp có thẩm quyền để chỉ đạo giải quyết.

Phối hợp với các đơn vị, đối tác trong đảm bảo hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng tính toán hiệu năng cao phục vụ triển khai các nhiệm vụ AI.

Nghiên cứu, xây dựng chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên về AI và STEM/STEAM AI; tổ chức các lớp bồi dưỡng AI cho công chức, viên chức ngành GDĐT Thành phố.

Tổ chức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, đơn vị đạt thành tích tại các cuộc thi, hội thi nêu trên trong các sự kiện có liên quan.

Khuyến khích các doanh nghiệp, đối tác đề xuất các giải pháp về AI để giải quyết các bài toán đặt ra của ngành GDĐT Thành phố, thử nghiệm và ứng dụng các sản phẩm trí tuệ nhân tạo tại đơn vị.

Phối hợp với Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan tham mưu cử công chức, viên chức ngành GDĐT tham gia bồi dưỡng AI do UBND Thành phố tổ chức.

Tổ chức đánh giá DTI và tham mưu quyết định công nhận mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch tổng thể và dự toán chi tiết hàng năm về kinh phí cho các hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS của toàn Ngành, đồng thời tham mưu cho lãnh đạo Sở trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo nguồn lực tài chính cần thiết. Tham mưu quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hướng dẫn các đơn vị về cơ chế tài chính, quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành, đồng thời đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu chi ngân sách dành cho các hoạt động ứng dụng CNTT, CDS, đổi mới sáng tạo theo quy định, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.

3. Các phòng thuộc Sở

Chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục được phụ trách theo chức năng nhiệm vụ triển khai các nội dung của Kế hoạch.

Tổ chức quán triệt, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chuyên viên, đảm bảo việc thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ, hiệu quả, chất lượng.

Tích cực tuyên truyền, hướng ứng các hoạt động ứng dụng CNTT, CDS, đổi mới sáng tạo của ngành GDĐT. Chủ động đề xuất các giải pháp, sáng kiến và báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc về cơ quan quản lý cấp trên để được hỗ trợ, hướng dẫn giải quyết.

4. Phòng Văn hóa – Xã hội các phường, xã, đặc khu

Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai Kế hoạch này tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; tham mưu UBND các phường, xã, đặc khu bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch

Chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra và hỗ trợ trực tiếp các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn trong quá trình thực hiện.

5. Các cơ sở giáo dục

Căn cứ tình hình thực tế, khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết để cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở về tiến độ và hiệu quả triển khai Kế hoạch tại đơn vị.

Tổ chức quán triệt sâu rộng, phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho từng tổ chuyên môn và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Chịu trách nhiệm đảm bảo dữ liệu của đơn vị trên Hệ thống CSDL Ngành phải đạt độ chính xác tuyệt đối (100%) và được cập nhật kịp thời, thường xuyên.

Đẩy mạnh tuyên truyền, tích cực hưởng ứng các hoạt động ứng dụng CNTT, CDS và đổi mới sáng tạo của Ngành. Chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp, sáng kiến mới; đồng thời kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện về cơ quan quản lý để được hướng dẫn, tháo gỡ.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được huy động từ các nguồn:

- Nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo được giao hàng năm.
- Nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án về khoa học công nghệ, CDS của Thành phố và quốc gia.
- Nguồn kinh phí xã hội hóa, tài trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, đặc biệt đối với các dịch vụ nâng cao phục vụ nhu cầu của người học và phụ huynh.

Phòng Kế hoạch Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập dự toán chi tiết cho từng hạng mục, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026, yêu cầu Trưởng các phòng thuộc Sở, Trưởng phòng Văn hóa Xã hội thuộc UBND các phường, xã, đặc khu, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghiêm túc tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Sở GDĐT (qua Văn phòng) để được hỗ trợ, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c)
- UBND Thành phố (để b/c);
- Sở KHCN, Trung tâm CDS Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu (để p/h chỉ đạo);
- Các Phó Giám đốc Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT (để t/h);
- Phòng VHXXH các phường, xã, đặc khu (để t/h);
- Các cơ sở giáo dục (để t/h);
- Lưu: VT, VP/Thông.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu